

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/DS-ST**
Ngày 13-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương
2. Ông Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 453/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V; địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1996; cư trú tại: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2019). (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978; cư trú tại: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Thị T1 trình bày:

- Ngày 13/6/2016, ông Lê Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20160613-704129-0375 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V để vay tiêu dùng

cá nhân với số tiền là 25.217.935 đồng; lãi suất thỏa thuận là 4,58%/tháng. Thời gian trả chậm chia đều trong vòng 23 tháng, với tổng số tiền phải trả cả gốc và lãi phát sinh là 42.087.000 đồng; 22 tháng đầu, mỗi tháng ông T phải trả là: 1.755.000 đồng; tháng thứ 23, ông T phải trả: 1.722.000 đồng, bắt đầu từ 15/7/2016.

- Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông T đã nhận đủ số tiền trên, nhưng chỉ thanh toán cho Công ty 04 kỳ với số tiền là 7.020.000 đồng; từ ngày 21/10/2016 cho đến nay ông T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Công ty.

- Nay, Công ty yêu cầu ông T phải thanh toán cho Công ty các khoản sau:

+ Số tiền nợ gốc là: 22.651.359 đồng;

+ Số tiền nợ lãi là: 12.415.641 đồng.

Tổng cộng là: 35.067.000 đồng; đồng thời yêu cầu ông T phải trả lãi trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T trả xong nợ.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án nhân dân thành phố T để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Thị T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Về đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất các đương sự là phù hợp với Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 20 tháng 10 năm 2019, Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (Sau đây gọi tắt là Công ty) có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 đã ký giữa ông T với Công ty ngày 13/6/2016 là: 35.067.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 22.651.359 đồng và nợ lãi là: 12.415.641 đồng) nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 94 của Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Lê Văn T đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Thị T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 13/6/2016, ông Lê Văn T và Công ty ký “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375, theo đó Công ty cho ông T vay tiêu dùng cá nhân với số tiền là 25.217.935 đồng; lãi suất thỏa thuận là 4,58%/tháng. Thời gian trả chậm chia đều trong vòng 23 tháng, với tổng số tiền phải trả cả gốc và lãi phát sinh là 42.087.000 đồng; 22 tháng đầu, mỗi tháng ông T phải trả là: 1.755.000 đồng; tháng thứ 23, ông T phải trả: 1.722.000 đồng, bắt đầu từ 15/7/2016. Như vậy, việc ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa các bên là tự nguyện, các nội dung trong hợp đồng đúng quy định tại Điều 91 và Điều 94 của Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

[3]. Trước khi ký ký “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 ngày 13/6/2016, ông T đã ký hợp đồng tín dụng số 20160123-604039-3183 ngày 23/01/2016 và còn thiếu Ngân hàng 06 kỳ chưa trả với số tiền là 2.403.256 đồng. Vì vậy, khi ký “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 để vay số tiền 25.217.935 đồng thì ông T phải trả nợ cũ với số tiền là 2.403.256 đồng; đóng phí bảo hiểm là 1.314.679 đồng. Theo bảng sao kê thì Ngân hàng đã chuyển vào tài khoản của ông T số tiền là 21.500.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định ông T đã nhận đủ số tiền

25.217.935 đồng theo “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 ngày 13/6/2016.

[4]. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chỉ thanh toán cho Công ty 04 kỳ với số tiền là 7.020.000 đồng; từ ngày 21/10/2016 cho đến nay ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện sau ngày 21/10/2016 ông T có thanh toán cho Công ty thêm bất kỳ khoản nào khác. Do đó, Công ty yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền còn thiếu là: 35.067.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 22.651.359 đồng và nợ lãi là: 12.415.641 đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ: Xét thấy, kỳ trả nợ cuối cùng theo “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 ngày 13/6/2016 là ngày 15/6/2018, tuy nhiên từ ngày 21/10/2016 ông T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và còn thiếu số tiền gốc là 22.651.359 đồng, lẽ ra từ ngày 15/6/2018, ông T tiếp tục phải trả lãi trên nợ gốc cho đến khi trả xong nợ, nhưng Công ty chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm nên được chấp nhận.

[6]. Tại tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 35.067.000 đồng, với số tiền án phí là: 35.067.000 đồng x 5% = 1.753.350 đồng; Công ty không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc ông Lê Văn T phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V số tiền gốc và lãi phát sinh theo “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 ngày 13/6/2016 là: 35.067.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng); trong đó nợ gốc là: 22.651.359 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi một ngàn ba trăm lăm mươi chín đồng) và nợ lãi là: 12.415.641 đồng (mười hai triệu bốn trăm mười lăm ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng).

1.2. Ông Lê Văn T tiếp tục phải trả lãi trên nợ gốc cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V theo lãi suất thỏa thuận trong “Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số 20160613-704129-0375 ngày 13/6/2016 kể từ ngày 14/3/2020 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Văn T phải nộp 1.753.350 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 876.500 đồng (tám trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041173 ngày 16/12/2019.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng